

## PHẦN B

2) Trụ tu hành: chủ yếu tu nhân Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu (nghĩa phương nam như trước). Từ đây đi về phía nam sáu mươi do tuần. Nghĩa là sau khi thành tựu pháp quán mười hai duyên sanh, quán sát sự hiện hành sai khác của sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, ra khỏi sự hiện hành ấy. Vì vị nước quán mười hai duyên sanh, quán sáu căn, danh sắc, thức thành tựu trí. Vị này ra khỏi sự hiện hành của sáu căn bằng trí. Câu từ đây đi về phía nam sáu mươi do tuần, đạo Lăng Già. Nghĩa là núi Lăng Già ở trong biển lớn, bốn bên đều là biển. Núi này cao vút không cửa ngõ, khó lên đến. Trên núi này có đạo. Điều đó muốn nói từ trong mười hai chi, năm uẩn, sáu căn đạt đạo lớn, vượt khỏi sanh tử, sau căn trở thành trí cảnh, căn cảnh không ô nhiễm. Vượt biển sanh tử là biểu hiện cho sự khó lên núi ấy, nay đã lên được nên gọi là đạo Lăng Già. Tỳ kheo thiền hành trong hư không, biểu hiện cho việc muốn lên núi Lăng Già phải đi từ chỗ trống không. Điều đó có nghĩa là trong mười hai chi, ba pháp, sáu căn, danh sắc, thức hiện khởi thì khó qua được biển lớn, sanh tử vô minh, núi cao ngã mạn sân si, nay dùng thiền định soi rọi, dùng sức từ phương tiện biết căn cảnh trống không. Vô minh diệt, biển sanh tử cạn, núi ngã mạn đổ. Trí thanh tịnh sáu trần như mặt trăng tròn nên nói bên đạo Lăng Già có xóm tên Hải Ngạn. Nay sáu căn trở thành biển trí, năm uẩn, mười hai duyên, sáu căn, cảnh giới đều là pháp giới, là xóm trí huệ sáng suốt rộng lớn. Thiện tài đến đạo Lăng Già xóm Hải Ngạn quán sát mười phương, cần học nơi Tỳ kheo Thiên Trụ, nghĩa là quán sát biết tập khí của sáu căn trống không. Cảnh giới trong sáu căn và chúng sanh nơi mười phương đều trống không, từ đó dẫn đến sự thấy nghe tiếp xúc đều trống không, tạo nghiệp bằng trí huệ. Xóm Lăng Già là pháp giới, thấy nghe cảm nhận tiếp xúc đều là pháp giới. Tỳ kheo Thiên Trụ là khéo léo an trụ nơi pháp trống không, luôn tạo lợi ích cho mọi người. Không rời pháp trống không nên đi lại trong hư không. Thiên Trụ ở luôn trong biển sanh tử, làm mọi việc. Biển sanh tử và sự lợi ích cho chúng sanh đều không ngoài sự trống không, vì không đắm nhiễm. Phần sau có câu: “Thiên vương, Long vương, Thập vương cung kính” có hai nghĩa: 1) Sự chiêu cảm của đạo. 2) Thừa hành mười Ba-la-mật tự tại như vua (rõ như trong kinh). Ba thiện tri thức trên: 1) Tỳ kheo Đức Vân ở núi Diệu Phong tiêu biểu cho sự đạt được đoạn trừ hình tướng, trí huệ sáng suốt cao tột, vượt khỏi thế gian. 2) Tỳ kheo Hải Vân nước Hải Môn tiêu biểu cho sự đạt được lớn các tướng dùng trí

sáng của Phật quán sát tác dụng hiện hành của sáu căn, danh sắc, thức, mười hai duyên, mình người trong biển lớn sanh tử, thành tựu trí căn bản sáng suốt, đạo pháp Phổ Nhân. 3) Tỳ kheo Thiện Trụ ở xóm Hải Ngạn bên đạo Lăng Già, nhanh chóng cúng dường các đức Phật thành tựu pháp giải thoát không ngại, tạo lợi ích cho chúng sanh của Bồ-tát, tiêu biểu cho sự quán sát chủng tử của sáu căn nên vượt biển sanh tử, đạt trí huệ trống không, ở trong sanh tử đem lại lợi ích cho chúng sanh nhưng vẫn tự tại. Ba vị này đã tự làm thanh tịnh phiền não của sáu căn, mười hai chi, năm uẩn, thành tựu trí huệ, hạnh nghiệp giải thoát xuất thế. Tuy chỉ làm việc độ sanh nhưng vẫn thực hành đạo xuất thế. Vì hòa nhập như vậy nên tiêu biểu bằng Tỳ kheo. Vì Tỳ kheo là hạnh xuất tục nên Thiện Tài đến chỗ vị này hỏi: Thế nào là tu pháp Phật luôn siêng năng tu tập đạo Bồ-tát? (Rõ như trong kinh) Đó là hỏi cả hai, dung hợp đạo Bồ-tát và pháp Phật, là thành tựu trí xuất thế. Bồ-tát mang hình tướng thế gian ở phần sau tiêu biểu cho việc không rời thí thanh tịnh căn bản nơi thế gian học trí thế gian của Bồ-tát. Điều đó có nghĩa là những thiện tri thức sau nếu là người thế tục như Di Già ở chợ giảng pháp nói về pháp: Luân tự trang nghiêm, trưởng giả giải thoát... tức là nơi ồn ào của thế gian chính là nơi giải thoát. Không cần phải ở trong núi, trong hư không chỉ cần chuyển tâm sẽ thành tựu đạo. Đó là sự thăng tiến: Trưởng giả Di Già, Giải thoát và Tỳ kheo Hải Tràng đã thành tựu pháp thế gian không ngoài pháp xuất thế gian. Vì thế nên người thế tục và Tỳ kheo để biểu hiện.

4) Trụ sanh qui, chủ yếu là tu tinh tấn Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu (nghĩa phương nam cũng như trước). Có nước tên Đạt Lý Ty Trà, nước này ở phía nam Ấn Độ (chưa dịch nghĩa tên ấy), thủ đô tên Tự Tại. Vì thiện tri thức này đạt trí xuất thế, hiểu rõ tục đế, thông cả hai đế chơn tục nên thủ đô tên Tự Tại. Trong nước đó có một người tên Di Già, vốn là người thế tục, lại ở trong chợ, một mặt vì giống tướng thế tục nên gọi người. Mặt khác vì ở trong chợ nên không thể gọi là Trưởng giả hay cư sĩ mà phải gọi là người. Di Già Trung Hoa dịch là hàng phục tà luận. Vì thế Di Già hỏi Thiện Tài rằng: Người đã phát tâm Bồ Đề chưa? Thiện Tài thưa: Đã phát tâm Bồ Đề. Di Già bước xuống, thành kính lạy Thiện Tài, rải hoa, báu vật, hương thơm cúng dường Thiện tài, sau đó mới giảng pháp: Luân tự Trang nghiêm. Nghĩa là Bồ-tát tôn kính tâm Bồ Đề mà Thiện Tài đã đạt trí căn bản sáng suốt của Phật. Di Già là hạnh nghiệp trong trí căn bản, tiêu biểu cho sự tôn kính vốn có. Thế gian kính trí xuất thế gian. Nghĩa là Bồ-tát ở trong thế gian hành đạo



Bồ-tát. Không ra khỏi, không chìm đắm, ở trong biển sanh tử, đạt vô số công đức, là nguồn gốc ra khỏi biển sanh tử, thực hành từ sáu mươi mốt lớn, là cung điện của Hạnh Phổ Hiền, là mẹ của chúng sanh, là y phục, cơm cháo nuôi lớn chúng sanh, là biển báu lớn, là căn lành của người trời. Vì kính người đã phát tâm như Phật nên Di Già nghe Thiện Tài đã phát tâm Bồ Đề liền cúi lạy, rải hoa cúng dường y phục hương thơm báu vật, cung kính lễ lạy sau mới thuyết pháp. Đây là việc không xem thường người chưa học, kính người học hỏi như Phật. Vì Thiện tài, từ miệng phóng ánh sáng là biểu hiện cho giáo pháp. Giảng pháp Luân tự, Luân là viên mãn, dùng từ ngữ của thế tục để thuyết pháp viên mãn thanh tịnh, phá trừ nghiệp ác sanh tử, tuần tự thuyết giảng văn nghĩa trọn vẹn. Những ai thấy nghe thọ trì sẽ đạt trí nghiệp thanh tịnh phá nghiệp sanh tử, lấp biển bất thiện, thành biển thiện lớn, lấp biển ngu si thành biển trí huệ, lấp biển nghèo khổ thành biển phước đức, mỗi câu đủ cả chủ thể khách thể, không mất ý đạo. Mỗi văn nghĩa được thuyết giảng như lưới Nhân Đà La cùng hổ tương soi sáng lẫn nhau. Từ mỗi chữ mỗi lời, tùy khả năng của chúng sanh mà giảng vô số pháp. Mượn ngôn ngữ của thế gian để thành tựu pháp ra khỏi sanh tử, thuy pháp thế gian bằng pháp Phật, biến ngu si của thế gian thành trí huệ, biến âm thanh nơi thế gian thành âm thanh của các đức Phật, làm vô số lợi ích. Xin trình bày sơ lược, hãy suy xét sẽ thấy được. Từ câu “Chỉ là biết pháp diệu âm Đà-la-ni sáng suốt của Bồ-tát” trở về sau là nói sự thắng tiến.

5) Trụ Cụ Túc Phương tiện: Chủ yếu là tu thiền Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu (nghĩa phương nam cũng giống như trước). Từ đây đi về phương nam có một xóm tên là Trụ Lâm. Ở vị này không nói cõi nước, thủ đô, chỉ nói từ đây đi về phía nam. Nghĩa là Di Già ở chỗ ồn ào mà lại là chỗ tịch tĩnh, tất cả trần lao, biển lớn sanh tử của thế gian an trụ trong thiền định. Xóm làng là nơi người ở, nơi ồn ào. Cùng một nơi ấy, chúng sanh ở lại là nơi ồn ào, người trí ở lại là rừng thiền, vị trước tên Di Già, vị này là Trưởng giả Giải thoát. Họ đều là những người ở trong nơi ồn ào sanh tử, phiền não của thế gian nhưng vẫn tịch tĩnh. Nói đi về phía nam thì không nói nơi nào, nước nào, thành nào vì Nam là đúng đắn, đi là sự thắng tiến, là chánh pháp, là thắng tiến. Nói: Từ đây đi về phía nam vì tất cả cõi bụi nhơ sanh tử của thế gian đều là nơi chánh pháp, là rừng thiền nên có tên là Trụ Lâm. Vì vậy là thế của thiền thứ năm. Cảnh giới của tất cả chúng sanh vốn là thiền nên tiêu biểu bằng trưởng giả Giải thoát, người thế tục. Chuyển tâm ra khỏi đời của ba vị Tỳ kheo trước để đi vào xóm làng sanh tử của chúng sanh vẫn

thấy đó là xóm làng thiên tịnh. Thiện Tài học pháp ở trưởng giả Giải thoát. Trưởng giả Giải thoát vốn có đủ sức từ căn lành, oai thần của Phật, khả năng ghi nhớ của Văn Thù Sư Lợi. Trí sẵn có, thể pháp thân thanh tịnh là sức từ căn lành. Trí căn bản vốn luôn tịch tĩnh, có đủ công dụng, ở khắp mười phương là oai lực của Phật. Trí thanh tịnh hiển hiện lúc đầu được phát khởi từ trí huệ trống rỗng, pháp thân không tướng là khả năng ghi nhớ của Văn Thù Sư Lợi. Lại nữa, trí vốn thanh tịnh này là pháp thiện, bản tánh trong sạch, tổng hợp thành một thân, tất cả cõi Phật dung nhiếp lẫn nhau như những ảnh tượng của ánh sáng. Tùy mỗi phương hiện mà đưa ra vô số cõi nước của các đức Phật ở mười phương, thân trang nghiêm thanh tịnh giống như gương sáng, chiếu soi các ảnh tượng, sắc tướng không bị chướng ngại. Từ thân này biểu hiện vô số Phật ra đời, nhập diệt, hiển hiện nghiệp quả ba đời không cùng tận của chúng sanh và Phật, là biểu hiện cho bản tánh vốn trong sạch, tánh thiện vốn có khắp, không nơi nào không có. Bao quát tất cả, trí thanh tịnh không tạo tác vốn như vậy, pháp thân quả ba đời tròn đủ vốn như vậy, không có tánh dài ngắn, không phải do tu tập đạt được. Đó là tự tánh thiện của tất cả pháp thế gian. Tất cả cảnh giới xưa nay vốn tịch tĩnh. Tiêu biểu bằng trưởng giả Giải thoát, người thế tục, nghĩa là không mong cầu những gì ngoài thế gian. Người tu hành phải tin hiểu như vậy. Người tu như thế, thấy tất cả cảnh giới trước mắt đều là rừng an trụ, rừng thiền. Chỉ vì người đời nắm bắt nó chấp vào đúng sai, tự phân chia cõi người, cõi mình. Từ tâm đã tạo ra các nghiệp phải có quả khổ, biết làm sao được? Từ câu: Chỉ ta biết pháp Giải thoát Trang nghiêm không chướng ngại của Như Lai” trở về sau là nói sự thăng tiến. Hai vị này biểu hiện cho thổ của thế tục là chân như, nơi ồn ào thế gian là nơi thanh tịnh. Tất cả cảnh vật, tất cả chúng sanh đều là pháp thiện.

6) Trụ Chánh Tâm: chủ yếu là tu pháp Bát-nhã Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Từ đây đi về phía nam, đến biên giới Diêm Phù Đề nghĩa là người tu hành đã đạt chỗ cùng tột của thế gian, xuất thế gian nên nói đến biên giới. Ba vị Tỳ kheo trước biểu hiện cho sự giải thoát và trí huệ xuất thế gian. Từ Trưởng giả Di Già đến Tỳ kheo Hải Tràng là biểu hiện cho sự Giải thoát và trí huệ xuất thế gian ngay trong thế gian, nên tiêu biểu bằng một vị Tỳ kheo, hai người thế tục. Có nước tên Ma Lợi Già La (chưa dịch nghĩa). Ở đó có Tỳ kheo tên Hải Tràng nghĩa là trụ thứ sáu thành tựu đạo Bát-nhã, ý tưởng thân tâm vắng lặng không sanh khởi, không còn chuyên chú nơi hơi thở. Từ mười ba phần của thân biến hóa vô số thân khác nhau, đi khắp mười phương, tạo lợi

ích cho mọi vật, trí huệ như biển, thân tâm tịch tĩnh, biết hết tất cả nên gọi là Tràng. Thiện tài thấy Tỳ kheo Hải Tràng đang thiền hành bên đường, sau đó tọa thiền, bỏ pháp quán hơi thở. Thiền hành là công dụng. Tọa thiền bỏ pháp theo dõi hơi thở là tịch tĩnh. Điều đó có nghĩa là tịch dụng không ngăn ngại. Dưới chân xuất hiện vô số trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn tạo lợi ích khắp mười phương, tiêu biểu cho hạnh nghiệp của trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn luôn khiêm tốn. Vì không ngã mạn tự cao nên xuất hiện dưới chân. Hai gối xuất hiện vô số Sát lợi đế Bà-la-môn. Sát lợi đế là giai cấp vua chúa. Đầu gối là sự co duỗi tự tại. Vua là người tự tại đủ quyền lực trong thế gian, cũng như Bồ-tát ở trong sanh tử vẫn tự tại. Từ eo xuất hiện vô số tiên như chúng sanh. Eo là nơi hành năm dục, tiên như xa lia năm dục, nghĩa là Bồ-tát ở trong cảnh dục nhưng không đắm nhiễm, không đắm nhiễm cũng không ra khỏi, luôn thanh tịnh nên tiêu biểu bằng tiên như. Hai bên hông xuất hiện vô số rồng và rồng cái (long nữ) tạo lợi ích khắp mười phương. Hai bên hông là sự giữ gìn che chở, là tâm bi trí lớn nên tiêu biểu bằng rồng và rồng cái. Rồng tiêu biểu cho trí, rồng cái tiêu biểu cho bi. Như Bồ-tát luôn luôn ở trong pháp trống không, luôn đầy đủ bi trí, tuôn mưa pháp che chở, bảo vệ chúng sanh. Từ chữ Vạn ở trước ngực xuất hiện vô số A-tu-la. • là chữ Vạn. Nghĩa là Bồ-tát ở trong sanh tử thực hành muôn hạnh nhưng không chìm đắm nên tiêu biểu bằng A-tu-la. Vì A-tu-la ở trong biển lớn, đứng sát đáy biển nhưng nước chỉ đến nửa thân. Trên lưng xuất hiện vô số Thanh văn, Độc giác. Vì Nhị thừa quay lưng với sanh tử, quay lưng với trí tuệ nên xuất hiện từ trên lưng. Hai vai xuất hiện vô số Dạ Xoa, La sát. Hai vai là nơi gánh vác mạnh mẽ. Vì Dạ xoa La sát đều có khả năng bay lên hư không. Lực dụng tự tại là hộ trì che chở. Nghĩa là Bồ-tát dùng oai lực che chở cho chúng Tăng và người lành. Từ bụng xuất hiện vô số Khẩn na la và Khẩn na la nữ. Bụng là sự bao hàm. Nghĩa là Khẩn na la là thần ca nhạc, Khẩn na la nữ tiêu biểu cho từ bi. Như bi trí lớn của Bồ-tát bao hàm muôn đức, thường đi lại trong sáu cõi mười phương, dùng pháp lạc làm vui chúng sanh, trừ hết khổ đau phiền não nên tiêu biểu bằng Khẩn na la vương, Khẩn nhiều la nữ. Vương là sự tự tại. Từ giữa bụng xuất hiện vô số Càn thất bà, Càn thất bà nữ. Đây là thần nhạc. Ví như đoàn hát ở trong núi Thập Bảo, lúc chư thiên cần nghe nhạc thì đến đó thổi nhạc. Đây cũng nhằm biểu dương cho bi trí của Bồ-tát bao hàm muôn đức và pháp lạc để làm vui chúng sanh, trừ hết khổ não. Từ miệng xuất hiện vô số Chuyển luân Vương. Miệng là nơi thuyết giảng chánh pháp, cũng như Bồ-tát thường dùng bốn Thiện

Tài không ngại làm bốn binh, bảy phần Bồ Đề làm bảy báu. Vì không nói những lời vô nghĩa thêu dệt, nên từ miệng xuất hiện Chuyển luân vương. Tất cả ngôn ngữ đều thành giáo pháp. Hai mắt xuất hiện vô số mặt trời, chiếu soi tất cả cõi ác địa ngục (mục là mắt, là trong mắt của người) giống như Bồ-tát thường dùng mắt trí bi quan sát tất cả chúng sanh, tùy khả năng mà thuyết giảng giáo pháp để diệt trừ nghiệp ác. Từ tướng lông trắng xuất hiện vô số Đế Thích (Đế Thích, Trung Hoa dịch là Năng Chủ, nghĩa là người làm chủ, cai quản chư thiên). Tướng lông trắng giữa chân mày là nơi phóng ánh sáng trí bi viên mãn theo lẽ Trung đạo, chỉ dạy chúng sanh trong mười phương. Trên đầu xuất hiện vô số Bồ-tát. Đầu là nơi cao nhất. Đây đủ hạnh bi trí mới đạt đến chỗ cùng tột, nên nêu số bụi trong vô số cõi Phật. Đỉnh đầu là nơi cao quý thù thắng nên xuất hiện các đức Phật, biểu trưng cho trí căn bản. Mười hai nơi biến hóa sau đều từ đỉnh đầu, kể cả lần này thành mười ba nơi. Vị này đã an trụ nơi tâm chơn chánh, bỏ pháp theo dõi hơi thở, tịch, dụng không ngăn ngại. Địa thứ sáu của mười địa giống vị này, đạt thần thông tịch tĩnh nhưng bi trí sâu rộng khác nhau. Mười Địa tiêu biểu bằng trời Dạ Ma. Vị này tiêu biểu bằng Tỳ kheo. Suy kỹ sẽ thấy được Thiện Tài an trụ, suy xét, quán sát suốt một ngày một đêm nghĩa là thành tựu viên mãn tâm bố thí Ba-la-mật. Bảy ngày bảy đêm là làm viên mãn bảy phần giới. Nửa tháng là làm viên mãn Nhãn Ba-la-mật. Một tháng là làm viên mãn tinh tấn Ba-la-mật, đủ tự lợi, lợi người nên một tháng. Sáu tháng là thành tựu các hạnh Ba-la-mật. Sáu ngày là làm viên mãn sáu trí. Tỳ kheo Hải Tràng nói: Tam muội này tên là Phổ Nhãn xa đắc, vì mắt trí như hư không, chiếu khắp mười phương. Trí trống rỗng không thể tánh, mọi vật cũng vốn không, giác quan, ngoại cảnh luôn trống không nên soi thấu mọi nơi. Không đắm nhiễm ngoại cảnh nên gọi là Phổ Nhãn xa đắc, vì không lấy bỏ nên chánh trí hiển hiện. Đó là tri kiến Phật, còn gọi là Bát-nhã Ba-la-mật. Cảnh giới thanh tịnh sáng suốt còn gọi là Phổ Trang nghiêm thanh tịnh. Nghĩa là dùng trí huệ trống không, từ mười ba chỗ của thân này hóa hiện vô số thân như mây, đầy đầy trong tất cả cõi Phật chúng sanh, thành tựu sự nghiệp hóa độ tất cả chúng sanh và tự hiểu rõ thân tâm. Đó là thần thông vi diệu không tạo tác, vượt ngoài hạn lượng của tình thức, tánh như hư không, công dụng tự tại. Từ câu: “Chỉ ta biết được Tam muội sáng suốt Bát-nhã Ba-la-mật” trở về sau là nói về sự thăng tiến. Sáu Ba-la-mật trên là đầy đủ tâm xuất thế gian và đoạn hết tâm thế gian, nữ cư sĩ Hữu Xả tiêu biểu cho sự thành tựu từ bi lớn, dùng phương tiện Ba-la-mật vào trong sanh

tử, cùng sống với chúng sanh. Những lẽ đủ vô số phiền não. Vị sau là như vậy (văn sau sẽ nói rõ). Nếu không như vậy sẽ thiên nặng về giải thoát xuất thế, không đủ từ bi lớn. Từ trụ thứ nhất ở núi Diệu Phong, trụ địa ở Hải Môn, trụ Tu Hành ở Hải Ngạn, trụ sanh lý ở nước Đạt Lý Tỳ Trà, trưởng giả Di Già, đến trụ Cụ túc phương tiện ở xóm Trụ Lâm và trụ chánh tâm thứ sáu đều cùng một giải thoát. Từ trụ Bất thoái thứ bảy, trụ thứ tám, thứ chín, đến trụ Quán đảnh, nếu không thành tựu lẫn nhau thì người tu hành đạt được một pháp tự cho là đủ, không biết cầu tiến, chưa đạt cho là đạt, chưa đủ cho là đủ. Vì vậy có giáo pháp giống khác của năm vị. Hiểu đúng lý trí, hạnh giải, từ bi, thần thông, lực dụng thì không vướng mắc. Mà phát tâm đã thành chánh giác. Vì nhờ chánh giác mới đoạn trừ tập khí, công đức mới có diệu dụng, thành tựu đạo Phổ Hiền và mọi hạnh nghiệp. Từ trí không đầu cuối, không xưa nay, không ba đời. Thành tựu các đức để trọn vẹn trí sáng, đầy đủ hạnh nguyện Phổ Hiền. Không thể xem người chỉ hiểu một lý không tạo tác, không hiểu mọi việc là Phật. Đó là đạo Thanh văn, Độc giác, không phải là Phật.

7) Trụ Bất Thoái: Chủ yếu tu Phật Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Từ đây đi về phía nam, nghĩa là từ Tỳ kheo Hải Tràng ở trong thế gian thực hành trí sáng xuất thế gian, vào trong sanh tử, sống với chúng sanh, những kẻ đủ vô số phiền não, khéo léo dùng bốn nhiếp pháp tùy thời cơ chỉ dẫn chúng sanh, để chúng giải thoát (nghĩa phương nam như trước). Trụ xứ tên Hải Triều tiêu biểu cho hạnh Phương tiện của trụ thứ bảy. Dùng Thánh trí sáng suốt vào biển sanh tử, soi chiếu tám vạn bốn ngàn sóng phiền não của chúng sanh, tùy lớn nhỏ mà chỉ dạy. Trụ xứ tên Hải Triều là biểu hiện cho việc Bồ-tát biết khả năng và thời cơ để độ chúng sanh, không trái thời cơ. Vườn tên Phổ Trang nghiêm tiêu biểu cho hạnh Phương tiện ở trong sanh tử, đi lại trong đó, xem niềm vui của chúng sanh là niềm vui của mình, nên gọi là vườn. Dùng vô số hạnh nguyện, hiểu tâm tánh của tất cả chúng sanh, làm cho chúng vui vẻ phát tâm Bồ Đê, được niềm vui của cõi người, cõi trời nên gọi là Phổ Trang nghiêm. Trong vườn có nữ Phật tử tên Hữu Xả (Trung Hoa dịch là đầy đủ hạnh nguyện), nghĩa là hạnh nguyện lành, thoả mãn mọi ý nguyện của chúng sanh, thành tựu pháp lành, ở trong sanh tử luôn hóa độ chúng. Còn gọi là ý lạc vì thoả mãn sở thích của chúng sanh, hồi hướng về tất cả pháp lành. Nơi nữ cư sĩ ở, tường rào bằng phẳng, cây cối trang trí bằng báu vật, trăm vạn gian nhà (rõ như trong kinh, không thể nói hết) đó đều là do sức tư bi sâu rộng của nữ Phật tử. Nơi ở xinh đẹp tiêu biểu quả không tự nhiên có, quả có từ nhân, xét quả sẽ biết nhân,



nhân quả tương xứng, biết được hạnh nghiệp. Thân là chánh báo. Thân sáng rực, tóc óng mượt, vương miện bằng ngọc Hải Tạng, hơn cả vòng vàng báu vật cõi đời, khoen tai bằng ngọc Ma Ni trong miệng Sư tử, chuỗi báu bằng ngọc như ý, toàn thân được bao bọc bằng lưới báu, ngồi tòa vàng ròng. Đó là quả báo của thân. Trong vườn luôn có vô số người hầu hạ là tiêu biểu cho hạnh từ bi lớn, trong mỗi hạnh có vô số hạnh, hộ trì tất cả chúng sanh. Thân thể và hoàn cảnh đều từ hạnh nghiệp từ bi. Thiện Tài hỏi nữ Phật tử phát tâm đã bao lâu. Nói sơ lược bằng số bụi trong một cõi Phật. Trong lúc kinh đầu chép: Đã tu tập phạm hạnh ở chỗ vô số Phật bằng số cát của ba mươi sáu sông Hằng (việc đó chỉ dùng trí Phật mới biết được). nghĩa là từ Tỳ kheo Hải Tràng đủ trí ba không, sáu Ba-la-mật. Trí ba không soi rọi phá trừ phiền não sáu căn, sáu trần, thành tựu trí sáng của Phật. Hàng Thập địa đã tu tập đầy đủ ba mươi bảy phẩm trợ đạo như ba không, sáu độ, bảy phần giác, bốn nhiếp pháp, bốn tâm vô lượng. Sau khi thành tựu quả Phật sẽ thành tựu hạng Phổ Hiền, tự tại làm mọi việc mới được ngừng nghỉ. Vì trí bi vô công, làm mãi không ngừng. Hành sáu Ba-la-mật, trụ tâm xuất thế đạt trí ba không, trọn vẹn đạo xuất thế, những vị trước tuy có từ bi giáo hóa chúng sanh nhưng trí trống không chưa sáng, chưa chiếu soi hết, thường thích đạo xuất thế. Đến trụ Chánh tâm thứ sáu, Tỳ kheo Hải Tràng trọn vẹn hạnh đức, bỏ pháp theo dõi hơi thở, trí huệ thần thông tự tại (như trước đã nói). Dùng trí ba không vào trong sanh tử thành tựu từ bi lớn, sống chung với chúng sanh, những kẻ đủ vô số phiền não. Từ trụ Quán đảnh trở về sau làm viên mãn trí bi (sau sẽ tuần tự nêu ra). Nếu không như thế đến trụ chánh tâm thứ sáu, thành tựu độ sanh bằng trí xuất thế sẽ không có trụ thứ bảy. Nghĩa là đoạn dứt hạnh vào sanh tử bằng từ bi lớn, sẽ không thành tựu công dụng lớn của ba vị sau. Vì thế đến trụ bất thoái thứ bảy, nữ Phật tử Mãn Nguyên nói rằng: “Từ lúc phát tâm, ta đã trải qua vô số cõi Phật bằng số cát trong ba mươi sáu sông Hằng tịnh tu phạm hạnh”. Trước tiên nêu ra mười đức Phật như Phật Thiên Đẳng. Sau đó chỉ đưa ra số lượng bằng số cát trong ba mươi sáu sông Hằng. Nghĩa là ba đời các đức Phật đều có đủ trí tuệ ba không và giải thoát nên nêu ra trước. Vì từ trí ba không, dùng sáu Ba-la-mật vào biển sanh tử thành tựu ba vị sau, làm cho trí huệ viên mãn, thành tựu hạnh Phổ Hiền. Vị trước tiêu biểu bằng Tỳ kheo. Vị này tiêu biểu bằng nữ Phật tử. Đó là một phần theo nghĩa từ bi của thế gian. Chủ yếu là nói người tu hành dù nam hay nữ đều phải đầy đủ từ bi như hòa nhẫn nhục, không bỏ chúng sanh. Thánh giáo sâu mầu, ngôn từ khó tả hết nên tiêu biểu

bằng Tỳ kheo, cư sĩ, trưởng giả, người nữ. Từ hình tượng hiểu được ý, đã hiểu được ý thì không cần hình tượng, không tạo tác. Từ ba không này phát khởi hạnh nguyện lớn, đi vào trong nẻo của ba cõi khắp mười phương, độ thoát tất cả chúng sanh. Nếu chưa độ thoát hết thấy chúng sanh thì hạnh Phổ Hiền không bao giờ hết. Mười địa cũng như đây. Dùng hạnh nguyện của địa thứ bảy thành tựu ba địa tám, chín, mười, hạnh Phổ Hiền và sự nghiệp như pháp giới, mười lực, bốn vô úy của Như Lai. Nếu không có hạnh lớn vào sanh tử của địa thứ bảy thì chỉ đến địa thứ sáu, hành Ba-la-mật, đạt thần thông xuất thế đã cho là đầy đủ, không biết hạnh nguyện khác, đoạn dứt địa bảy, tám, chín. Diệu giác, đẳng giác, quả Phật và hạnh nguyện Phổ Hiền. Pháp của mười địa giống như vị này nhưng trí bi rộng hơn, tập khí nhân quả khác nhau. Tỳ kheo, cư sĩ, trưởng giả, nữ Phật tử, tiên, Bà-la-môn, Vua, người nữ, của mười trụ giống như chín vị thần nơi cõi trời Dạ Ma, một người nữ tên Như Lai Thê Cù Ba của mười địa. Dùng thần thông phá trừ đêm dài sanh tử nhưng công hạnh có hơn kém khác, suy xét sẽ biết được. Thiện Tài hỏi: Thánh giả! Ngài đã thành tựu vô thượng Bồ Đề bao lâu? Nữ Phật tử đáp: Ta thành Phật không vì giáo hóa một chúng sanh. Lại nói: Giáo hóa hết thấy tất cả chúng sanh, nguyện ta mới hết. Chúng sanh tất cả Phật, trang nghiêm tất cả đạo tràng nguyện ta mới hết. Nghĩa là quả Phật Bồ Đề không có đầu cuối, hạnh Phổ Hiền không có đầu cuối. Từ câu: “Chỉ ta biết được pháp giải thoát an ổn không còn lo buồn” trở về sau là nói về sự thăng tiến. Biểu hiện cho vị này vào biển sanh tử, thành tựu từ bi lớn, không lánh nơi ồn ào vì tâm không phiền não. Cho dù có vô số chúng sanh cùng lúc nào hại vẫn luôn vui vẻ nên gọi là giải thoát an ổn không lo buồn.

8) Trụ Đồng Chơn: Chủ yếu tu nguyện Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Ở phía nam cõi này có nước tên Na La Tố (Trung Hoa dịch là không lười mỗi). Nghĩa là Bồ-tát này đạt một phần trí vô công, nhớ lại hạnh nguyện của mình, thực hành hạnh từ bi, không lười mỗi, siêng năng gấp bội. Tên không lười mỗi giống tên Hải Triều, vị trước là nuôi lớn từ bi, vị này trí huệ dần sáng, nghĩa là bi trí đồng một thể. Vì từ trụ thứ bảy nhập trụ này là từ bi khởi trí. Trụ Quán đảnh thứ mười là từ trí thực hành bi nên biểu trưng bằng Từ Hành. Con gái vua Sư tử Tràng. Cõi đó có tiên như tên là Tỳ Mục Cù Sa (Trung Hoa dịch là tiếng nói có hùng lực làm người khác kinh sợ). Trụ đồng chơn thứ tám dần đạt một phần chánh trí, nói rằng làm cho ma kinh sợ. Vì sao vị này lại tiêu biểu bằng tiên như? Có hai lý do: 1) Trí thanh tịnh như tiên không còn

năm đục; 2) Dẫn đạt trí sáng, tùy thuận giáo hóa kẻ tà kiến, khuyên họ tu tiên là khiến họ nhập chánh trí. Tiên hơn xoa đầu Thiện Tài là thọ ký sẽ đạt trí này. Cầm tay Thiện Tài là biểu hiện cho sự chỉ dẫn. Lúc ấy Thiện Tài thấy mình đi qua vô số cõi nước bằng số bụi trong mười cõi Phật ở mười phương, đến vô số cõi Phật bằng số bụi trong mười cõi Phật. Thấy cõi Phật và Đại chúng (rõ như trong kính). Nghĩa là dẫn đạt trí sáng, sự thấy biết và sự giảng thuyết tự tại như Phật. Vì trí như hư không nên thấy Phật và cảnh giới như hư không. Không đâu là không thấy. Chỉ giây phút dùng diệu lực của Tam muội, thấy rõ vô số kiếp. Tiên hơn thả tay Thiện Tài trở lại như cũ. Nghĩa là Trữ Đồng Chơn vừa đạt một phần trí sáng, nhờ sự chỉ dạy dẫn dắt gia hộ của bậc Thánh mới thấy cảnh giới Phật. Nếu thành tựu quả Phật, mười phương luôn hiển hiện, không cần nhọc sức. Từ câu: “Chỉ tu đạt pháp Giải thoát không gì hơn của Bồ-tát” trở về sau là nói sự thăng tiến.

9) Trụ Pháp Vương Tử: Chủ yếu là tu lực Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Câu ở phía nam cõi này có nghĩa là vị trước tiếp nhận vị trụ (nghĩa phía nam như trước) vì vị này thành tựu trí ngay thật, thuyết giảng tạo lợi ích cho chúng sanh giỏi hơn vị trước, tùy thuận khả năng của chúng sanh nhưng không tà vạy nên gọi là trưởng Trục. Đó là nói tâm cảnh đều là pháp giới. Xóm đó có Ba-la-mật Thắng Nhiệt. Lửa thế gian sanh từ phiền não, trí huệ mát tịnh vượt qua phiền não. Vì vượt qua lửa phiền não nên lửa không đốt được. Trí này hòa nhập với công dụng thần diệu chẳng do tâm tạo nên. Vị này lên núi cao cao tột, vào đồng lửa lớn trong chất đầy của cải, cháy ngút lên trời, nghĩa là người tu hành đạt đến vị này, nghiệp phiền não hết, có trí huệ, hàng phục kẻ tà kiến làm cho chúng trở về chánh kiến. Khuyên Thiện Tài lên núi đao, Thiện Tài nghỉ ngơi, chư thiên an ủi để dẹp tâm nghi. Nghĩa là định kim cương sáng chói, thiêu cháy cũi phiền não, cắt đứt lưới tà kiến, quay về với chánh pháp. Người nhập định Kim cương phiền não đoạn trừ hết như ao nước mát trong chánh pháp trí trí huệ không hình tướng là núi đao, ánh sáng mầu nhiệm không tách phá trừ hoặc chướng là định Kim cương này. Nếu còn thấy có một tia nhỏ Kim cương, thì không thể phá trừ trần lao chấp trước. Tác giả nói kệ: Trí sáng căn bản khắp hư không, sanh trí mầu nhiệm đao Kim cương, phá trừ nghiệp chấp của chúng sanh, thành tựu bản trí sáng vi diệu. Nghĩa là trí căn bản tạo ra vô minh, từ trụ thứ nhất của mười trụ đã hiển hiện trí không hình tướng, đến vị pháp vương thứ chín từ trí căn bản khởi công dụng, trí huệ mầu nhiệm tạo lợi ích cho chúng sanh. Đó là lửa của định Kim cương. Khởi vô số núi đao trí huệ,

chiếu soi cắt đứt phiền não nơi đêm dài sanh tử của tất cả chúng sanh và dùng phương tiện chỉ dẫn những kẻ mê lầm khổ hạnh, bị năm ngọn lửa đốt thân.

10) Trụ Quán Đảnh: Chủ yếu là tu trí Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Ở phía nam có nước tên Sư tử Phấn Tấn, nghĩa là đạt trụ quán đảnh trí Ba-la-mật càng sáng. Vị này thực hành bi bằng trí, ở trong biển sanh tử hiển rõ thể của tâm cảnh. Trí căn bản vốn không sanh diệt, không sợ sanh tử. Vua tên Sư tử Tràng nghĩa là từ một trí, cùng lúc đi khắp mười phương, hiện thân trước chúng sanh như tiếng vang vọng khắp. Lại như Sư tử nhanh mạnh, cùng lúc toàn thân rung động. Cối ấy có đồng nữ tên Từ Hành là con gái vua Sư tử Tràng. Vua Sư tử Tràng là trí, đồng nữ Từ Hành là hạnh từ bi. Nghĩa là vị này thực hành bi bằng trí, cùng làm mọi việc như thế gain, nhưng không đắm nhiễm nên tiêu biểu bằng đồng nữ. Như nữ Phật tử Hưu Xả ở trụ thứ bảy, từ hạnh từ bi thành hạnh trí huệ. Nghĩa là vì còn chủng tử nhiễm ô nên tiêu biểu bằng nữ Phật tử nhờ hình tượng biết được pháp, đạt pháp bỏ hình tượng suy xét sẽ thấy được. Năm trăm đồng nữ hầu hạ tiêu biểu cho phiền não trong năm uẩn. Trong kinh dạy: Mỗi uẩn có năm trăm phiền não. Năm uẩn có hai ngàn năm trăm phiền não. Vì hạnh này bao quát năm trăm hạnh Ba-la-mật của năm vị. Cùng sống với chúng sanh. Những kẻ đầy phiền não. Là người đứng đầu trong tám mươi bốn ngàn năm trăm người, ở trong điện Tỳ-lô-giá-na, nghĩa là hạnh từ bi lớn ở trong tạng trí căn bản sáng suốt. Đó là thể của cung điện. Ngồi trên tòa được bao bọc bằng lưới báu, thuyết giảng diệu pháp. Nghĩa là từ trí căn bản Sư tử Tràng Vương sanh khởi trí huệ vi diệu. Rỗng rỗng pháp lớn đem lại lợi ích cho chúng sanh. Chiên Đàn là tên loại hương. Hương này trừ răn độc nhiệt não. Vào mùa nóng, vì nóng nực răn quấn vào cây. Nóng mát tiêu biểu cho thiện tri thức này thuyết pháp, răn vô minh được mát mẻ. Tòa bao bọc bằng lưới báu. Tuyến là khâu kết, võng là lưới pháp, là che chở. Nghĩa là khâu kết lưới pháp che chở chúng sanh nên được quả báu ngồi trên tòa này. Thiện Tài đến cung điện cầu học với đồng nữ ấy. Trí là vua, bi là cung điện, là nơi cầu học. Xét quả báu, tất cả mọi nơi đều có vô số Như Lai phát tâm học đạo, thành đạo thuyết pháp, Như Lai như ánh sáng ảnh hiện trong lưới Đế Thích. Dùng ấn Ba-la-mật in vào nghiệp ba đời, cùng tốt tất cả cảnh giới. Đồng nữ bảo Thiện Tài: Thiện nam tử! Đây là pháp Phổ Trang nghiêm Ba-la-mật, ta ở chỗ vô số Phật bằng số cát ba mươi sáu sông Hằng cầu đạt pháp này. Ba không, sáu độ trí huệ là số Phật. Pháp mà đức Phật này giảng thì đức Phật không

---

giảng lại. Nghĩa là từ trí căn bản phát khởi ba không trí huệ đều là trí Phật. Và cũng là trí trong không, không tướng, không tạo tác, với sáu Phật Ba-la-mật, biến trần lao trong ngoài sáu căn của chúng sanh thành thanh tịnh. Trang nghiêm pháp giới chúng sanh bằng trí Phật: như Phật sau có chép: Vô số Bát-nhã Ba-la-mật đều lấy trí căn bản ba không làm thể tạo thanh tịnh cho tất cả chúng sanh, để chúng sanh thành tựu trí huệ Như Lai đều lấy trí ba không làm thể (rõ như trong kinh). Từ câu: “Chỉ ta biết được pháp Bát-nhã trang nghiêm này” trở về sau là nói sự thăng tiến. Nghĩa là từ trụ thứ bảy vào biển sanh tử, cùng sống với chúng sanh, những kẻ đầy vô số phiền não, đến trụ thứ mười mọi hành đều viên mãn, trí huệ viên mãn. Từ trí căn bản khởi ô số trí dùng biết không làm thể, phá trừ phiền não, trí huệ cũng chẳng có. Vì phiền não của chúng sanh nhiều nên trí Bát-nhã cũng nhiều. Như Lai hóa hiện thân hình cũng nhiều. Nghĩa là phước đức trí huệ thần thông diệu dụng mà mười trụ tu tập đều trở thành hạnh đạo lợi ích cho chúng sanh của mười hạnh. Còn làm cho những kẻ ở trong hoặc chướng tập khí sâu dày, tự điều phục mình, thành tựu Giải thoát.

Trên đây nêu mười thiện tri thức đủ cả phàm tục, xuất thế gian, ở thế gian. Những người đã dùng trí trống không, Giải thoát, từ bi, từ thuận chúng sanh chỉ dạy lợi ích, để biểu hiện cho chánh pháp. Trong năm vị có những chỗ khác biệt trước sau nhưng sự tu hành không ngoài một thời, một pháp, một vị. Tóm thâu tất cả thời, pháp trước sau vì trong cảnh trí không có xưa nay.

